

Số: 73 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 05 tháng 7 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Công văn đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vạn Xuân Bình Dương ngày 18 tháng 6 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3476/TTr-CCBVMT ngày 02 tháng 7 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vạn Xuân Bình Dương, địa chỉ trụ sở chính tại 50 Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Khu phức hợp thương mại và căn hộ cao cấp Vạn Xuân Bình Dương tại phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu phức hợp thương mại và căn hộ cao cấp Vạn Xuân Bình Dương.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 0315762523 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu vào ngày 27 tháng 6 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 8 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0315762523

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng khu căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ.

1.6. Quyết định số 3893/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu phức hợp thương mại và căn hộ cao cấp Vạn Xuân Bình Dương.

1.7. Quyết định số 1351/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu phức hợp thương mại và căn hộ cao cấp Vạn Xuân Bình Dương của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vạn Xuân Bình Dương.

1.8. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.8.1. Phạm vi:

- Tổng diện tích Dự án là 10.162,2 m², trong đó:

+ Đất xây dựng công trình (công trình nhà chung cư): 4.850,42 m².

+ Đất cây xanh: 2.037,67 m².

+ Đất giao thông, sân bãi, hạ tầng kỹ thuật: 2.815,11 m².

+ Đất hành lang an toàn đường bộ: 459,0 m².

1.8.2. Quy mô, công suất:

- Dự án nhóm B theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: 03 tầng hầm chung, 01 tầng tum, 03 tầng khối đế, 37 tầng nổi (gồm 02 khối tháp); 1.305 căn hộ; dân số 2.977 người. Tổng diện tích sàn xây dựng:

158.572,76 m², trong đó: tổng diện tích sàn xây dựng phần nổi 130.324,67 m², tổng diện tích sàn xây dựng tầng hầm 28.248,09 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vạn Xuân Bình Dương được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vạn Xuân Bình Dương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình, thu gom, đầu nối nước thải, đảm bảo nước thải được xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào mạng lưới nước thải đô thị tập trung; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 05 tháng 1 năm 2024 đến ngày 05 tháng 1 năm 2034).



Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án Khu phức hợp thương mại và căn hộ cao cấp Vạn Xuân Bình Dương tại phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vạn Xuân Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- C.Ty CP Đầu tư Bất động sản Vạn Xuân BD;
- Sở Xây dựng;
- UBND thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Hòa;
- Công Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, V.Thanh4.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13 /GPMT-STNMT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom, đầu nối vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị Thủ Dầu Một để xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh**

- Nguồn số 1: Nước thải đen phát sinh từ bồn cầu, bồn tiểu của nhà vệ sinh tại các căn hộ, trường mầm non, khu thương mại dịch vụ, khu sinh hoạt cộng đồng với lưu lượng $129\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng đường ống uPVC D60mm, D200mm => Bể tự hoại => Ngăn bơm.

- Nguồn số 2: Nước thải xám phát sinh từ nấu ăn, tắm giặt, bồn rửa chén,... tại các căn hộ, trường mầm non, khu thương mại dịch vụ, khu sinh hoạt cộng đồng với lưu lượng $633,5\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng đường ống uPVC D60mm, D200mm => Bể tách dầu mỡ => Ngăn bơm.

- Nguồn số 3: Nước thải từ hoạt động vệ sinh phòng rác từng tầng và phòng rác tập trung với lưu lượng $5,8\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng đường ống uPVC D100mm, D150mm => Bể tách dầu mỡ => Ngăn bơm.

- Nguồn số 4: Nước thải từ hoạt động vệ sinh hồ bơi với lưu lượng khoảng $6,7\text{m}^3/\text{lần}$ (định kỳ 1 tuần/lần) được thu gom bằng đường ống uPVC D140mm => Ngăn bơm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Cụm bể xử lý nước thải sơ bộ tháp A có tổng thể tích $684,27\text{m}^3$, bao gồm: Bể tự hoại $175,18\text{m}^3$ (gồm 03 ngăn: Ngăn phân hủy kỵ khí $99,75\text{m}^3$, ngăn lắng $32,76\text{m}^3$, ngăn lọc $42,67\text{m}^3$); bể tách dầu mỡ (thể tích $468,6\text{m}^3$) và ngăn bơm (thể tích $40,49\text{m}^3$, gồm 03 bơm đặt nổi (công suất mỗi bơm $8,5\text{kW}$, $Q=34\text{m}^3/\text{h}$, $H=21\text{m}$) đặt ở tầng hầm 3.

- Cụm bể xử lý nước thải sơ bộ tháp B có tổng thể tích $614,1\text{m}^3$, bao gồm: Bể tự hoại $159,05\text{m}^3$ (gồm 03 ngăn: Ngăn phân hủy kỵ khí $98,8\text{m}^3$, ngăn lắng $28,8\text{m}^3$, ngăn lọc $31,45\text{m}^3$); bể tách dầu mỡ (thể tích $418,5\text{m}^3$) và ngăn bơm (thể tích $36,55\text{m}^3$, gồm 03 bơm đặt nổi (công suất mỗi bơm $8,5\text{kW}$, $Q=33\text{m}^3/\text{h}$, $H=25\text{m}$) đặt ở tầng hầm 3.



Nước thải từ bể xử lý sơ bộ tháp A sẽ được bơm theo tuyến ống HDPE D160mm, dài 35m; tháp B sẽ được bơm theo tuyến ống HDPE D160mm, dài 125m => Đầu nối vào tuyến ống HDPE D200mm => Hồ ga (kích thước 0,6mx0,6mx1,2m) trên đường N8 => Tự chảy theo đường ống áp lực PVC D168, dài 280m => Hồ ga (kích thước 0,6mx0,6mx1,2m) => Tự chảy theo đường ống PVC D168, dài 10m => Hồ ga (kích thước 1mx1mx3,2m) trên đường N8 => Tự chảy theo đường cống D500mm, dài 300m trên đường 30/4 => Đầu nối vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố Thủ Dầu Một - Chi nhánh nước thải Thủ Dầu Một.

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị; kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Định kỳ kiểm tra, nạo vét, vớt dầu, mỡ tại bể tách dầu, mỡ.
- Báo ngay cho cơ quan có chức năng khi xảy ra sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Trang bị máy bơm, thiết bị dự phòng cho hồ bơm nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 3.1. Tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải.
- 3.2. Đảm bảo thu gom và đầu nối nước mưa theo phương án đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận.
- 3.3. Thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh và đầu nối vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố Thủ Dầu Một, không xả trực tiếp ra môi trường.
- 3.4. Đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.
- 3.5. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vạn Xuân Bình Dương chịu trách nhiệm đóng phí dịch vụ xử lý nước thải cho Dự án Khu phức hợp thương mại và căn hộ cao cấp Vạn Xuân Bình Dương theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13/GPMT-STNMT ngày 03 tháng 1 năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực công trình xử lý nước thải sơ bộ tháp A (từ máy bơm).
- Nguồn số 02: Khu vực công trình xử lý nước thải sơ bộ tháp B (từ máy bơm).
- Nguồn số 03: Khu vực đặt 02 máy phát điện dự phòng (tháp B).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: tại phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Nguồn số 01: tọa độ: X (m) = 1213853.152, Y (m) = 600770.745
- Nguồn số 02: tọa độ: X (m) = 1213753.908, Y (m) = 600764.273
- Nguồn số 03: tọa độ: X (m) = 1213755.972, Y (m) = 600751.916

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường



B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án; Thiết kế hệ thống cách âm cho phòng máy phát điện bằng vật liệu chống ồn, lắp đặt buồng tiêu âm cho máy phát điện, lắp đặt các ống bô giảm thanh cho máy phát.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt máy phát điện gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



A handwritten signature in blue ink is located at the bottom center of the page.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13 /GPMT-STNMT ngày 03 tháng 1 năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	150	Rắn	16 01 06	NH
2	Các loại dầu mỡ thải	250	Lỏng	16 01 08	NH
3	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại	120	Rắn/lỏng	16 01 09	KS
4	Chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	228	Lỏng	16 01 10	KS
5	Pin, ắc quy chì thải	200	Rắn	16 01 12	NH
6	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải có linh kiện điện tử; đèn led	250	Rắn	16 01 13	NH
7	Bao bì mềm có các thành phần nguy hại (chất tẩy rửa, sát trùng, phân bón,...)	150	Rắn	18 01 01	KS
8	Bao bì kim loại có các thành phần nguy hại (bình xịt côn trùng/lon sơn thải,...)	150	Rắn	18 01 02	KS
9	Bao bì cứng chứa thành phần nguy hại (thùng sơn thải, bao chứa hóa chất, chai lọ đựng hóa chất, vỏ chai, bao bì thuốc bảo vệ thực vật...).	130	Rắn	18 01 03	KS

10	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại thải	100	Rắn	18 02 01	KS
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	1.728			

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Dầu mỡ thải từ bể tách dầu, mỡ	12 06 11	23.335
2	Bùn thải từ bể tự hoại	-	132.338
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		155.673

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: bao gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn,...); chất thải thực phẩm (rau quả, thực phẩm thừa,...), chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng phát sinh khoảng 3.870 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 10 thùng loại 240 lít có nắp đậy, không rò rỉ, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 19,6 m² (bố trí tại tầng hầm 1 tháp B).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa);... theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Bùn thải từ bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Tần suất thu gom 06 tháng/lần.

- Trang bị 03 thùng loại 240 lít (có nắp đậy) để lưu chứa dầu, mỡ thải, định kỳ 01 tuần/lần hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với phòng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại từng tầng của khu chung cư: Trang bị tại mỗi phòng 01 thùng chứa màu xanh loại 240 lít chứa chất thải thực phẩm, 01 thùng chứa màu cam loại 240 lít chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và 01 thùng chứa màu vàng loại 240 lít chứa chất thải sinh hoạt phải xử lý.

- Đối với kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung: Trang bị 10 thùng chứa loại 660 lít chứa chất thải thực phẩm; 05 thùng chứa loại 660 lít chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; 02 thùng chứa loại 660 lít chứa chất thải sinh hoạt phải xử lý.

2.3.2. Kho/ khu vực lưu chứa:

- Tại mỗi tầng của tháp A bố trí 01 phòng chứa rác diện tích $6,8\text{m}^2$ (từ tầng 1 - tầng 3), 01 phòng chứa rác diện tích 11m^2 (từ tầng 4 - tầng sân thượng); tại mỗi tầng của Tháp B bố trí 01 phòng chứa rác diện tích 4m^2 (từ tầng 2 - tầng sân thượng) với thiết kế cấu tạo: Vách tường ốp gạch men bao xung quanh, nền gạch chống thấm, không rạn nứt, bố trí ống quạt hút mùi, có trang bị 1 vòi nước và bố trí miệng phễu thu nước sàn với kích thước $150 \times 150\text{ mm}$.

- Kho lưu chứa tập trung tại tầng 1 Tháp B: Diện tích $48,7\text{ m}^2$ với thiết kế, cấu tạo: Vách tường ốp gạch men bao xung quanh, nền gạch chống thấm, không rạn nứt, bố trí quạt hút mùi.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Xây dựng quy định quản lý khu căn hộ; hướng dẫn các hộ dân, khu thương mại dịch vụ thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý*), phân loại chất thải nguy hại; tự trang bị các túi đựng rác, thùng chứa rác để lưu giữ chất thải sau phân loại. Các hộ dân sẽ mang chất thải rắn sinh hoạt sau khi đã phân loại bỏ vào 03 thùng rác được dán nhãn theo từng loại đặt tại phòng chứa rác của mỗi tầng. Định kỳ hàng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của mỗi tầng lưu chứa vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại tầng 1 tháp B của khu căn hộ bằng thang kỹ thuật.

- Đối với dầu, mỡ thải sau khi được vớt từ bể tách dầu, mỡ sẽ được lưu chứa trong thùng tại kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung.

- Đối với chất thải nguy hại người dân sẽ tự mang đến khu lưu chứa được bố trí tại tầng hầm 1 tháp B của khu chung cư.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại

X.H.C.N
SỞ
NGUYỄN
VÀ
TRƯỜNG
INH DƯ

Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân phường Phú Hòa và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Phú Hòa về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.
- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Phú Hòa nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Thủ Dầu Một để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Phụ lục 4



CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 73 /GPMT-STNMT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
6. Cam kết đảm bảo hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án (hạ tầng giao thông, thoát nước, khu vực lưu giữ chất thải tại từng tầng và khu vực lưu giữ tập trung, các bể xử lý nước thải sơ bộ,...) đáp ứng khi dự án đi vào hoạt động.
7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./